



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý IV năm 2017

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	7 - 48



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.591.236.770	5.163.837.326
110	I. Tiền		13.297.086	291.731.443
111	1. Tiền	4	13.297.086	291.731.443
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.462.897.006	4.767.203.132
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	385.774.171	358.844.277
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	49.349.094	59.812.505
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.902.370.170	2.471.337.409
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.132.159.531	1.883.465.386
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.755.960)	(6.256.445)
140	III. Hàng tồn kho		106.761.235	101.179.533
141	1. Hàng tồn kho	9	107.035.554	101.179.533
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(274.319)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		8.281.443	3.723.218
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		551.908	354.224
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.525.732	3.368.994
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		203.803	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		23.376.447.087	23.442.236.559
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		12.420.095.791	11.978.378.916
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	10.735.325.296	11.249.488.058
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.684.770.495	728.890.858
220	II. Tài sản cố định		253.492.300	265.454.619
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	222.907.066	228.256.797
222	Nguyên giá		336.227.875	326.639.890
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(113.320.809)	(98.383.093)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	30.585.234	37.197.822
228	Nguyên giá		40.095.952	45.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.510.718)	(8.252.330)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	38.344.237	34.583.669
231	1. Nguyên giá		42.073.202	37.073.202
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(3.728.965)	(2.489.533)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.583.389	11.088.353
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.583.389	11.088.353
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		10.641.213.094	11.139.377.964
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	10.714.783.853	11.213.889.436
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.3	7.360.041	7.360.041
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(85.930.800)	(86.871.513)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.718.276	13.353.038
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	13.718.276	13.353.038
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27.967.683.857	28.606.073.885

1720
31V
HÀN
GAN
ALAI
U.T.C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.502.269.132	16.326.537.190
310	I. Nợ ngắn hạn		3.065.814.172	5.605.041.849
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	109.089.835	86.744.243
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	561.513.684	1.147.768.493
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	79.436.128	57.219.255
314	4. Phải trả người lao động		9.628.044	11.555.025
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	38.228.813	382.066.156
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.928.132.011	1.142.263.406
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	339.347.915	2.773.199.648
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		437.742	4.225.623
330	II. Nợ dài hạn		11.436.454.960	10.721.495.341
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	1.027.078.706	141.879.425
337	2. Phải trả dài hạn khác		15.424.254	-
338	3. Vay dài hạn	20	10.381.808.818	10.571.394.796
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.2	6.499.660	2.329.641
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.643.522	5.891.479
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.465.414.725	12.279.536.695
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	13.465.414.725	12.279.536.695
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.263.858.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		647.667.808	561.569.778
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		561.569.778	561.186.730
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		86.098.030	383.048
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.967.683.857	28.606.073.885



Nguyễn Văn Tiên
Người lập

Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	86.659.866	113.635.543	279.540.379	564.854.296
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	86.659.866	113.635.543	279.540.379	564.854.296
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(27.888.495)	(100.714.078)	(191.205.673)	(455.826.837)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		58.771.371	12.921.465	88.334.706	109.027.459
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	278.136.982	315.551.922	1.125.471.884	1.424.275.726
22	7. Chi phí tài chính	24	(313.404.905)	(347.622.953)	(1.018.871.756)	(1.433.862.140)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(311.859.725)	(350.657.848)	(1.010.885.059)	(1.299.333.937)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(511.751)	(4.562.346)	(4.695.357)	(13.969.783)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(18.019.119)	(22.699.409)	(76.244.276)	(91.085.569)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.972.578	(46.411.321)	113.995.201	(5.614.307)
31	11. Thu nhập khác	27	126.470	1.147.564	2.913.400	20.684.610
32	12. Chi phí khác	27	(2.963.901)	(8.214.918)	(7.739.250)	(9.850.792)
40	13. (Lỗ) lãi khác	27	(2.837.431)	(7.067.354)	(4.825.850)	10.833.818

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		2.135.147	(53.478.675)	109.169.351	5.219.511
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(1.030.253)	19.092.147	(18.901.302)	(8.142.646)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28	93.777	(3.186.522)	(4.170.019)	3.306.183
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.198.671	(37.573.050)	86.098.030	383.048




Nguyễn Văn Tiên
 Người lập

Ngày 30 tháng 01 năm 2018



Dương Hoàng Bắc
 Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
Quý IV năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		109.169.351	5.219.511
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10,11,12	22.603.425	20.241.743
03	Các khoản dự phòng		773.834	92.650.440
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái		1.710.291	(1.503.458)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.108.075.279)	(1.407.180.400)
06	Chi phí lãi vay	24	1.010.885.059	1.299.333.937
07	Các khoản điều chỉnh khác		(14.418.900)	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.647.781	8.761.773
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		1.814.707.072	(1.095.020.341)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(5.856.021)	104.925.285
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		(1.773.519.936)	681.819.346
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(562.922)	365.069
14	Tiền lãi vay đã trả		(322.454.052)	(1.145.154.638)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28	(3.055.370)	(25.346.309)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(494.982)	(56.558)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(268.588.430)	(1.469.706.373)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(14.029.629)	(105.224.515)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		-	215.611.550
23	Tiền chi cho vay		(6.983.633.127)	(2.522.894.543)
24	Tiền thu hồi cho vay		5.442.388.267	3.017.330.428
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(2.550.000)	(10.072.542)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	238.606.773
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		960.271.573	512.986.181
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(597.552.916)	1.346.343.332

1772
IGTY
PHÂN
NGA
ALA
SU.T.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.597.639.350	1.672.252.475
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.009.932.361)	(1.495.225.910)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		587.706.989	177.026.565
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(278.434.357)	53.663.524
60	Tiền đầu kỳ	4	291.731.443	238.067.919
70	Tiền cuối kỳ	4	13.297.086	291.731.443



Nguyễn Văn Tiên
 Người lập

Ngày 30 tháng 01 năm 2018




Dương Hoàng Bắc
 Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Quý IV năm 2017

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 01 tháng 06 năm 2006 và theo hai mươi chín (29) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có tám (08) công ty con trực tiếp, một (01) công ty liên kết và năm (05) chi nhánh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; các hoạt động về thể thao và giải trí và sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp Quý IV năm 2017 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa | - | Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc 30 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 06 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân phối lợi nhuận thuần (tiếp theo)

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

037
 NG
 PHA
 TGA
 LA
 T.G

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.20 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3.21 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi ngân hàng	12.181.119	289.602.746
Tiền mặt tại quỹ	1.115.967	2.128.697
TỔNG CỘNG	13.297.086	291.731.443

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	261.561.422	237.669.545
Phải thu hợp đồng xây dựng	116.994.237	104.705.886
Phải thu tiền bán căn hộ	1.626.475	9.550.873
Phải thu từ bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư	5.592.037	6.917.973
TỔNG CỘNG	385.774.171	358.844.277

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 300.503.350 ngàn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (*Thuyết minh số 29*).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ	49.048.056	59.812.505
Trả trước khác	301.038	-
TỔNG CỘNG	49.349.094	59.812.505

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 695.883 ngàn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (*Thuyết minh số 29*).



7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Phải thu cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	682.804.971	2.466.950.084
Trong đó:		
<i>Phải thu cho vay các công ty khối An Phú ("An Phú")</i>	-	446.516.211
<i>Cho vay ngắn hạn các công ty con (i)</i>	236.191.679	986.876.353
<i>Phải thu cho vay ngắn hạn nhân viên</i>	33.990.409	-
<i>Cho vay ngắn hạn các bên liên quan khác (ii)</i>	412.622.883	1.033.557.520
Phải thu cho vay ngắn hạn các công ty khác (iii)	2.219.565.199	4.387.325
	2.902.370.170	2.471.337.409
Dài hạn		
Phải thu cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	10.500.802.908	10.912.093.392
Trong đó:		
<i>Cho vay dài hạn các công ty con (i)</i>	6.951.543.431	9.466.382.326
<i>Cho vay dài hạn các bên liên quan khác (ii)</i>	3.549.259.477	1.445.711.066
Phải thu cho vay dài hạn các công ty khác (iii)	64.933.323	167.394.068
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iv)	169.589.065	170.000.598
	10.735.325.296	11.249.488.058
TỔNG CỘNG	13.637.695.466	13.720.825.467

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các công ty con có thời hạn hoàn trả từ tháng 06 năm 2018 đến tháng 12 năm 2023 và lãi suất trung bình từ 4,2%/năm đến 12,5%/năm.
- (ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan khác có thời hạn hoàn trả từ tháng 03 năm 2018 đến tháng 08 năm 2022 và lãi suất từ 10%/năm đến 13%/năm.
- (iii) Cho vay các công ty khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty và cá nhân khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 03 năm 2018 đến tháng 07 năm 2022 và lãi suất trung bình từ 10%/năm đến 13%/năm.
- (iv) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 05 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	1.088.882.036	1.774.382.081
Lãi cho vay các công ty	21.114.306	38.419.727
Phải thu nhân viên	11.087.641	7.400.424
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	-	334.520
Các khoản khác	11.075.548	62.928.634
	1.132.159.531	1.883.465.386
Dài hạn		
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") (i)	514.788.889	493.211.100
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	1.095.210.746	78.920.554
Ký quỹ, ký cược dài hạn	514.680	514.680
Phải thu khác	74.256.180	156.244.524
	1.684.770.495	728.890.858
TỔNG CỘNG	2.816.930.026	2.612.356.244

- (i) Thể hiện khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đông Mía - công ty con để đầu tư vào Dự án trồng 9.173 ha cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Koun Mom, Tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 0103/2014/HAGL-ADM/HĐHTĐT ngày 01 tháng 03 năm 2014. Theo đó, Công ty sẽ góp 88% tổng vốn đầu tư Dự án. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 dự án vẫn đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	42.846.229	46.792.708
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.635.157	30.246.278
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hoạt động xây dựng</i>	25.359.776	24.227.754
<i>Hoạt động sản xuất</i>	1.225.381	5.978.274
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	50.000	40.250
Hàng hóa	10.347.106	21.103.672
Hàng mua đang đi trên đường	5.557.514	-
Vật liệu xây dựng	17.280.781	-
Thành phẩm	2.249.330	2.482.884
Nguyên vật liệu	642.605	402.773
Công cụ, dụng cụ	1.476.832	151.218
TỔNG CỘNG	107.035.554	101.179.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>						
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	239.118.035	40.372.707	37.333.284	3.018.364	6.689.440	108.060	326.639.890
Tăng trong kỳ	11.940.460	1.488.309	1.841.693	114.132	-	150.000	15.534.594
Thanh lý trong kỳ	(2.306.701)	(1.732.287)	(1.907.621)	-	-	-	(5.946.609)
Phân loại lại	150.000	371.500	(371.500)	-	-	(150.000)	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>248.901.794</u>	<u>40.500.229</u>	<u>36.895.856</u>	<u>3.132.496</u>	<u>6.689.440</u>	<u>108.060</u>	<u>336.227.875</u>
Giá trị hao mòn lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(49.866.477)	(20.364.516)	(20.189.648)	(2.191.721)	(5.730.206)	(40.525)	(98.383.093)
Khấu hao trong kỳ	(9.784.882)	(4.145.109)	(3.613.472)	(368.070)	(959.234)	(18.010)	(18.888.777)
Thanh lý trong kỳ	1.035.467	1.007.974	1.907.620	-	-	-	3.951.061
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>(58.615.892)</u>	<u>(23.501.651)</u>	<u>(21.895.500)</u>	<u>(2.559.791)</u>	<u>(6.689.440)</u>	<u>(58.535)</u>	<u>(113.320.809)</u>
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>189.251.558</u>	<u>20.008.191</u>	<u>17.143.636</u>	<u>826.643</u>	<u>959.234</u>	<u>67.535</u>	<u>228.256.797</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>190.285.902</u>	<u>16.998.578</u>	<u>15.000.356</u>	<u>572.705</u>	<u>-</u>	<u>49.525</u>	<u>222.907.066</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	30.278.179	15.171.973	45.450.152
Phân loại lại	<u>(5.000.000)</u>	<u>(354.200)</u>	<u>(5.354.200)</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>25.278.179</u>	<u>14.817.773</u>	<u>40.095.952</u>
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	(8.252.330)	(8.252.330)
Khấu hao trong kỳ	(862.626)	(1.612.590)	(2.475.216)
Giảm trong kỳ	<u>862.626</u>	<u>354.202</u>	<u>1.216.828</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>-</u>	<u>(9.510.718)</u>	<u>(9.510.718)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>30.278.179</u>	<u>6.919.643</u>	<u>37.197.822</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>25.278.179</u>	<u>5.307.055</u>	<u>30.585.234</u>

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	22.072.022	15.001.180	37.073.202
Phân loại lại	<u>5.000.000</u>	<u>-</u>	<u>5.000.000</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>27.072.022</u>	<u>-</u>	<u>42.073.202</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(739.395)	(1.750.138)	(2.489.533)
Khấu hao trong kỳ	<u>(739.394)</u>	<u>(500.038)</u>	<u>(1.239.432)</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>(1.478.789)</u>	<u>(2.250.176)</u>	<u>(3.728.965)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>21.332.627</u>	<u>13.251.042</u>	<u>34.583.669</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>25.593.233</u>	<u>12.751.004</u>	<u>38.344.237</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	10.714.783.853	(85.930.800)	11.213.889.436	(86.871.513)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	5.000.000	-	5.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 13.3)	7.360.041	-	7.360.041	-
TỔNG CỘNG	10.727.143.894	(85.930.800)	11.226.249.477	(86.871.513)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 12 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
<i>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</i>								
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi	Đang hoạt động	63,70	4.723.806.841	-	70,45	5.224.484.938	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	68,90	3.253.537.647	-	68,90	3.253.537.647	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	99,40	2.532.179.575	-	99,40	2.532.179.575	-
<i>Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</i>								
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	(59.000.000)	51,00	59.000.000	(59.000.000)
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	(26.930.800)	80,00	26.930.800	(26.930.800)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	-	100,00	17.778.990	-
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	Đã giải thể	-	-	-	94,50	977.486	(940.713)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Thương mại	Đang hoạt động	51,00	2.550.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG				10.714.783.853	(85.930.800)		11.213.889.436	(86.871.513)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
TỔNG CỘNG				5.000.000			5.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Truyền Thông Thanh Niên	6.200.000	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng Không Viễn Đông	1.160.040	1.160.040
TỔNG CỘNG	7.360.040	7.360.040

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền thuê đất trả trước	9.423.362	9.694.786
Công cụ, dụng cụ	4.167.268	3.557.377
Chi phí bán căn hộ	114.584	100.875
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.062	-
TỔNG CỘNG	13.718.276	13.353.038

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	108.930.592	86.694.243
Phải trả tiền mua sắm máy móc thiết bị	50.000	50.000
Các khoản khác	109.243	-
TỔNG CỘNG	109.089.835	86.744.243

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 38.683.354 ngàn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh số 29).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	375.898.069	610.747.160
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	185.615.615	530.537.536
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	-	6.483.797
TỔNG CỘNG	561.513.684	1.147.768.493

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 558.721.103 ngàn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh số 29).

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thuế thu nhập Doanh nghiệp (Thuyết minh số 28)	63.827.373	47.981.390
Thuế thu nhập cá nhân	2.245.372	785.857
Thuế giá trị gia tăng	1.187.269	1.962.674
Các khoản phải nộp khác	12.176.114	6.489.334
TỔNG CỘNG	79.436.128	57.219.255

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	16.206.773	344.574.626
Chi phí hoạt động	22.022.040	37.491.530
	38.228.813	382.066.156
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	1.027.078.706	141.879.425
TỔNG CỘNG	1.065.307.519	523.945.581



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	544.012.852	951.927.828
Phải trả Hợp đồng hợp tác đầu tư	1.132.500.000	-
Các khoản khác	251.619.159	190.335.578
	1.928.132.011	1.142.263.406
Dài hạn		
Phải trả lãi vay các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	15.424.254	-
TỔNG CỘNG	1.943.556.265	1.142.263.406

20. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngắn hạn		
Trái phiếu chuyển đổi (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	-	1.100.000.000
Trái phiếu hoán đổi (<i>Thuyết minh số 20.2</i>)	-	1.130.000.000
Trái phiếu thường trong nước đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20.3</i>)	314.347.915	518.199.648
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20.4</i>)	25.000.000	25.000.000
	339.347.915	2.773.199.648
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước (<i>Thuyết minh số 20.3</i>)	8.935.511.828	9.696.118.988
Vay dài hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh số 20.4</i>)	849.974.506	875.275.808
Vay tổ chức và cá nhân khác (<i>Thuyết minh số 20.5</i>)	596.322.484	-
	10.381.808.818	10.571.394.796
TỔNG CỘNG	10.721.156.733	13.344.594.444

20.1 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 11 tháng 05 năm 2017, Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd ("NIMP"), trái chủ của trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ trái phiếu này sang Công ty TNHH Blue Hope tương ứng 1.100.000 trái phiếu với mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu.

Ngày 22 tháng 05 năm 2017, Hội đồng quản trị của Công ty phê duyệt việc phát hành thêm 137.500.000 cổ phiếu HAG để chuẩn bị cho phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu bằng hình thức phát hành riêng lẻ.

Vào ngày 30 tháng 05 năm 2017, Công ty TNHH Blue Hope đã tiến hành chuyển nhượng tất cả trái phiếu chuyển đổi này lại cho 6 cá nhân khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

Đến ngày 06 tháng 06 năm 2017, 6 cá nhân này đã thực hiện quyền chuyển đổi toàn bộ trái phiếu này thành cổ phiếu HAG với tỷ lệ 1 trái phiếu: 125 cổ phiếu HAG, tại mức giá chuyển đổi là 8.000 VNĐ/cổ phiếu, tương đương 137.500.000 cổ phiếu đã được phát hành mới. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2205/17/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 22 tháng 05 năm 2017, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0506/17/NQHĐQT-HAGL ngày 05 tháng 06 năm 2017 và các thông báo chuyển đổi có liên quan.

20.2 Trái phiếu hoán đổi

Chi tiết trái phiếu hoán đổi như sau:

Trái chủ	Ngày 31 tháng 12	Ngày 31 tháng 12
	năm 2017	năm 2016
	Ngàn VND	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn (i)	-	433.000.000
Công ty TNHH Glory Red Star (ii)	-	697.000.000
Tổng cộng	-	1.130.000.000

(i) Vào ngày 02 tháng 05 năm 2017 và ngày 20 tháng 06 năm 2017, theo các yêu cầu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn (Saigon Capital), tổ chức nắm giữ các trái phiếu hoán đổi với tổng giá trị 433 tỷ VND, Công ty đã hoàn thành việc hoán đổi bằng 43.300.000 cổ phiếu HNG.

(ii) Ngày 29 tháng 06 năm 2017, công ty Northbooks Investment Mauritius Pte Ltd, chủ sở hữu trái phiếu hoán đổi có tổng mệnh giá 697 tỷ VND (tương ứng với 697.000 trái phiếu) của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), đã thực hiện thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số trái phiếu hoán đổi này cho Công ty TNHH Glory Red Star.

Vào ngày 14 tháng 07 năm 2017, Công ty TNHH Glory Red Star đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số trái phiếu hoán đổi này lại cho các cá nhân bao gồm Ông Nguyễn Thanh Quang, Ông Nguyễn Mạnh Hùng và Bà Vũ Thị Thúy Hương với số lượng trái phiếu chuyển nhượng lần lượt là 232.335, 232.330 và 232.335 trái phiếu theo các thỏa thuận chuyển nhượng trái phiếu ký kết có liên quan.

Đến ngày 14 tháng 07 năm 2017, các bên bao gồm HAG, Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") và các cá nhân trái chủ trên đã tiến hành thực hiện thỏa thuận hoán đổi nghĩa vụ nợ trái phiếu này bằng cách cầm trữ khoản nợ vay của HNG tại ngày 14 tháng 07 năm 2017 cùng giá trị 697 tỷ VND với HAG theo các Hợp đồng chuyển nhượng khoản vay và hoán đổi nghĩa vụ trả nợ được ký kết cùng ngày. Theo đó, tại ngày này, nghĩa vụ nợ Trái phiếu hoán đổi đã chuyển sang cho HNG, tương ứng với HNG cũng giảm nghĩa vụ nợ vay phải trả đối với HAG.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Trái phiếu thường trong nước

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	6.546.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	756.649.915	1.060.108.381
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS")	991.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	930.000.000	930.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	594.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC")	183.000.000	183.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(80.790.172)	(104.789.745)
TỔNG CỘNG	9.249.859.743	10.214.318.636
<i>Trong đó:</i>		
Trái phiếu dài hạn	8.935.511.828	9.696.118.988
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	314.347.915	518.199.648

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2017, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
ACBS	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	216.649.915	Ngày 25 tháng 04 năm 2012	Ngày 27 tháng 04 năm 2017
ACBS	Công ty Cổ phần Việt Golden Farm	300.000.000	Ngày 25 tháng 04 năm 2012	Ngày 18 tháng 06 năm 2023
ACBS	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	240.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	Từ ngày 30 tháng 06 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020
		756.649.915		

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn đến hạn trả 276.649.915

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
PHUGIASC	Ngân hàng HD - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	930.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
VPBS	VPB	991.000.000	Ngày 28 tháng 11 năm 2014	Ngày 28 tháng 12 năm 2021
IBSC	VPB	183.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	Ngày 29 tháng 12 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
FPTS và VPB	VPB	594.000.000	Ngày 27 tháng 08 năm 0215	Ngày 27 tháng 12 năm 2021
BSC	BIDV	5.876.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 12 năm 2026
TỔNG CỘNG		8.574.000.000		

20.4 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	299.706.458	299.706.458
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	575.268.048	600.569.350
TỔNG CỘNG	874.974.506	900.275.808
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	25.000.000	25.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	849.974.506	875.275.808

20.5 Vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết vay dài hạn từ bên liên quan như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Thủy điện HAGL	146.091.134	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu HAGL	450.231.350	-
TỔNG CỘNG	596.322.484	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm 2016						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	561.186.730	12.279.153.647
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	383.048	383.048
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	561.569.778	12.279.536.695

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm 2017						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	561.569.778	12.279.536.695
Vốn tăng trong kỳ	1.375.000.000	(275.220.000)	-	-	-	1.099.780.000
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	86.098.030	86.098.030
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	647.667.808	13.465.414.725

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	927.467.947	789.967.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	789.899.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	789.899.283

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Theo công văn số 1208/17/CV-HAGL, ngày 12 tháng 08 năm 2017, Công ty đã công bố thông tin thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành từ 789.899.283 cổ phiếu thành 927.399.283 cổ phiếu thông qua nghiệp vụ hoán đổi 137.500.000 trái phiếu sang cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Hoàng Anh Gia Lai.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND			
	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	86.659.866	113.635.543	279.540.379	564.854.296
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	22.698.054	84.113.701	110.979.405	268.448.346
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	63.782.262	9.090.891	87.156.331	33.751.374
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	179.550	17.745.132	76.634.698	130.449.414
<i>Doanh thu căn hộ</i>	-	2.685.819	4.769.945	67.727.562
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	-	-	-	64.477.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
				Ngàn VND
Lãi cho vay	277.643.396	313.873.005	1.106.613.010	1.415.425.129
Lãi tiền gửi ngân hàng	365.895	1.055.733	2.750.690	6.645.899
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	67.691	623.184	1.382.834	2.204.698
Thu nhập từ hoán đổi trái phiếu (Thuyết minh 20.2)	-	-	14.418.900	-
Cổ tức nhận được	60.000	-	120.000	-
Doanh thu tài chính khác	-	-	186.450	-
TỔNG CỘNG	278.136.982	315.551.922	1.125.471.884	1.424.275.726

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
				Ngàn VND
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	19.867.720	67.745.251	99.719.394	213.678.984
Giá vốn dịch vụ cung cấp	8.020.775	5.342.559	28.264.428	20.752.959
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	-	25.471.646	59.275.372	103.654.031
Giá vốn căn hộ	-	2.154.622	3.946.479	52.873.437
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	-	-	64.867.426
TỔNG CỘNG	27.888.495	100.714.078	191.205.673	455.826.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	311.859.725	350.657.848	1.010.885.059	1.299.333.937
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào các công ty con	-	51.739	-	86.871.513
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	138.272	(3.086.634)	3.697.753	15.351.876
Lỗi thanh lý các khoản đầu tư	1.371.648	-	1.408.421	32.304.814
Các khoản khác	35.260	-	2.880.523	-
TỔNG CỘNG	313.404.905	347.622.953	1.018.871.756	1.433.862.140

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	128.113	1.714.162	2.043.359	6.382.289
Chi phí lương nhân viên	94.739	1.452.369	1.105.479	2.950.656
Các khoản khác	288.899	1.395.815	1.546.519	4.636.838
TỔNG CỘNG	511.751	4.562.346	4.695.357	13.969.783



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	11.128.047	11.957.586	44.641.239	47.389.522
Chi phí khấu hao	2.197.728	2.288.541	8.931.546	8.806.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.373.753	1.207.489	7.462.725	7.633.991
Chi phí dự phòng	499.514	2.848.324	499.514	5.778.927
Các khoản khác	1.820.077	4.397.469	14.709.252	21.476.404
TỔNG CỘNG	18.019.119	22.699.409	76.244.276	91.085.569

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	126.470	1.147.564	2.913.400	20.684.610
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	-	109.739	17.804.012
Các khoản khác	126.470	1.147.564	2.803.661	2.880.598
Chi phí khác	2.963.901	8.214.918	7.739.250	9.850.792
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	239.809	239.810	959.234	959.234
Các khoản phạt	2.476.015	6.944.445	5.632.141	7.062.871
Các khoản khác	248.077	1.030.663	1.147.875	1.828.687
LÃI (LỖ) KHÁC	(2.837.431)	(7.067.354)	(4.825.850)	10.833.818



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	Ngàn VND	
	12 tháng	12 tháng
	năm 2017	năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.901.302	8.142.646
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	4.170.019	(3.306.183)
TỔNG CỘNG	23.071.321	4.836.463

28.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2017.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VND	
	Lũy kế đến cuối	Lũy kế đến cuối
	Quý IV năm 2017	Quý IV năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	109.169.351	5.219.511
Các khoản chi phí không được khấu trừ	576.891	7.781.840
Các khoản phạt	5.730.366	7.322.054
Thu nhập cố tức	(120.000)	-
Chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(20.850.096)	9.028.284
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	94.506.512	37.331.837
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	18.736.609	7.466.367
Thuế TNDN hiện hành của hoạt động bất động sản	164.693	-
Điều chỉnh trích bổ sung thuế TNDN năm trước	-	676.279
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	18.901.302	8.142.646
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	47.981.390	65.185.053
Điều chỉnh khác	51	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(3.055.370)	(25.346.309)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 17)	63.827.373	47.981.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

28.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp</i>	
			Ngàn VND	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả)				
Dự phòng hàng tồn kho	1.596.030	1.596.030	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(8.095.690)	(3.925.671)	(4.170.019)	3.306.183
Thuế TNDN hoãn lại phải trả thuần	(6.499.660)	(2.329.641)		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(4.170.019)	3.306.183



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	188.735.979
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.451.766
		Thanh lý tài sản	1.869.158
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	2.929.830
		Mua hàng hóa	2.809.298
		Mua TSCĐ	11.467.723
		Mua trái cây	15.555
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	240.767.558
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.810.478
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	8.520.504
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	108.699.443
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	29.008.065
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	550.897
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	8.867.702
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	1.320.340
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.482.616
Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	12.951.112
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	10.285.273
		Bán hàng hóa	9.972.349
Công ty Cổ phần Xây Dựng Và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	118.172.422
Công ty TNHH MTV Phát Triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	22.264.021
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	663.641
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	28.909.696
Công ty Cổ phần Đầu Tư Bất Động Sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	33.387.832
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Bán hàng hóa	9.834.914
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Lãi cho vay	23.673.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	12.428.087
		Bán hàng hóa	279.761
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật liệu Hoàng Thơ	Bên liên quan	Lãi cho vay	11.893.703
Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	71.783.998
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.067.209
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	7.083.137
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	27.418.296
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	332.972
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	42.317
		Mua hàng hóa	84.765
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.947.487
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	381.554
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	20.780
		Lãi đi vay	11.386.457
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Bên liên quan	Lãi cho vay	8.434.522
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Lãi cho vay	3.913.477
		Cung cấp dịch vụ	5.001.558
Công ty TNHH An Tiến	Bên liên quan	Lãi cho vay	
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Lãi cho vay	3.447.987
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	617.546
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Lãi cho vay	14.109.705
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	17.545
		Lãi đi vay	3.733.440
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	232.958
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	11.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay Bán hàng hóa	12.428.087 279.761
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật liệu Hoàng Thơ	Bên liên quan	Lãi cho vay	11.893.703
Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	144.322.646
Công ty TNHH Hoàng Anh AnDong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	8.788.494
Công ty Cổ phần Thực phẩm HEYGO	Công ty con	Bán hàng hóa	107.664
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Thanh Bình	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.069.912
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Bán hàng hóa	17.876

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2017, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)			
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	130.918.474
		Hợp đồng xây dựng	676.543
Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	29.902.102
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	17.746.955
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	14.523.252
Công ty TNHH Daun Penh Agrico (CPC)	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.999.240
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.781.328
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Quốc Tế HAGL	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.083.619
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.888.019
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	235.993
		Hợp đồng xây dựng	2.381.324



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5 – tiếp theo)</i>			
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.194.518
Công ty TNHH MTV KD Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	594.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	539.695
Công ty TNHH TV ĐT XD Thanh Bình	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.180.959
		Hợp đồng xây dựng	27.595.944
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.554.790
		Hợp đồng xây dựng	18.084.773
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.432.972
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.501.714
Các Công ty con khác	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	687.136
TỔNG CỘNG			<u>300.503.350</u>

Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Ứng trước cung cấp dịch vụ	695.883
TỔNG CỘNG			<u>695.883</u>

Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 7)

Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	236.191.679
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	185.994.550
Công ty TNHH An Tiến	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	93.000.000
Công ty TNHH TV ĐT XD Thanh Bình	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	72.000.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	61.628.333
Đoàn Nguyễn Đức	Chủ tịch Hội đồng quản trị (CT HĐQT)	Phải thu cho vay ngắn hạn	33.990.409
TỔNG CỘNG			<u>682.804.971</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngân VND</i> <i>Số dư</i>
Phải thu về cho vay dài hạn các công ty con (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	3.038.928.590
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Quốc Tế HAGL	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	1.957.824.733
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	1.514.041.568
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	1.389.612.200
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	1.367.079.207
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	509.876.192
Công ty Cổ phần Xây Dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	196.731.113
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	155.872.977
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	82.726.796
Công ty TNHH TV ĐT XD Thanh Bình	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	75.000.000
Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	58.001.920
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	53.092.286
Công ty Cổ phần An Dong Mia	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	34.007.539
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	30.560.000
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh - Chi nhánh gỗ	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	18.801.114
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	10.620.353
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	7.526.320
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	500.000
TỔNG CỘNG			10.500.802.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Quốc Tế HAGL	Công ty con	Lãi cho vay	343.454.686
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	168.410.716
Công ty Cổ Phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Lãi cho vay	157.007.722
		Chi trả hộ	2.619.183
Công ty Cổ Phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	156.386.695
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	74.324.611
Đoàn Nguyễn Đức	CT HĐQT	Lãi cho vay	32.804.336
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	32.645.815
Công ty TNHH An Tiến	Bên liên quan	Lãi cho vay	21.806.304
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Bên liên quan	Lãi cho vay	21.557.241
Công ty TNHH TV ĐT XD Thanh Bình	Bên liên quan	Lãi cho vay	18.228.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Lãi cho vay	16.351.985
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Bên liên quan	Chi trả hộ	12.624.059
Công ty Cổ Phần Bò Sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	9.746.466
		Các khoản khác	42.399
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Chi trả hộ	4.731.579
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Chi trả hộ	4.178.897
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	2.783.333
Công ty TNHH Daun Penh Agrico (CPC)	Công ty con	Các khoản khác	2.723.569
Công ty Cổ Phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Chi trả hộ	2.556.565
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Chi trả hộ	2.268.339



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8 – tiếp theo)</i>			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Chi trả hộ	1.229.080
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi trả hộ	257.199
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Chi trả hộ	126.000
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Lãi cho vay	17.257
TỔNG CỘNG			<u>1.088.882.036</u>
<i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty Cổ Phần An Dong Mia (VN)	Công ty con	Lãi cho vay	3.557.774
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	401.296.987
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	150.047.977
Công ty Cổ Phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	123.172.102
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	119.884.238
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	119.081.682
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Quốc Tế HAGL	Công ty con	Lãi cho vay	110.437.457
Công ty Cổ Phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	28.650.129
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Lãi cho vay	12.522.211
Công ty Cổ Phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Lãi cho vay	10.364.621
Công ty TNHH TV ĐT XD Thanh Bình	Bên liên quan	Lãi cho vay	9.543.750
Công ty Cổ Phần cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	4.419.862
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	1.238.953
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Công ty con	Chi trả hộ	507.206



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)</i>			
Đoàn Nguyên Đức	CT HDQT	Chi trả hộ	484.630
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.167
TỔNG CỘNG			<u>1.095.210.746</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</i>			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	15.558.037
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật Liệu Hoàng Thơ	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.328.145
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.186.986
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.397.552
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc Tế HAGL	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.046.563
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	624.575
Các công ty liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	446.595
Các công ty con khác	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	94.901
TỔNG CỘNG			<u>38.683.354</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</i>			
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	129.500.000
Công ty Cổ phần cao su Trung Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	88.772.100
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	60.081.345
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	47.256.000
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	26.717.254
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Quốc Tế HAGL	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	6.305.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau (tiếp theo):

			Ngân VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16) (tiếp theo)			
Các công ty con khác	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	391.028
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	9.248.928
		Trả trước hợp đồng xây dựng	185.615.615
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Bên liên quan	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	4.832.884
TỔNG CỘNG			<u>558.721.103</u>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)			
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	366.218.461
Công ty TNHH MTV KD Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	121.278.142
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi trả hộ	22.769.750
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	16.720.884
Công ty Cổ phần Dầu Tư Sài Gòn Mê Kông	Bên liên quan	Mượn tạm	6.450.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	3.808.366
Công ty TNHH V&H Corporation	Công ty con	Chi trả hộ	3.323.700
Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Mượn tạm	1.700.000
Võ Thị Mỹ Hạnh	Bên liên quan	Chi trả hộ	1.204.111
Các công ty khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	539.438
TỔNG CỘNG			<u>544.012.852</u>
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 19)			
Công ty TNHH MTV KD Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay dài hạn	11.386.457
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay dài hạn	4.037.797
TỔNG CỘNG			<u>15.424.254</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2017

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp.


Nguyễn Văn Tiên
Người lập


Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

